

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới
Xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017- 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai quyết định ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017 – 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1157 /QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số: 1162/QĐ- UBND ngày 16/6/2017 của UBND huyện Kbang về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới 13 xã, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017- 2020;

Xét Tờ trình số 55a/TTr-UBND ngày 31 /10 /2017 của UBND xã Nghĩa An “V/v xin phê duyệt Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới Xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017- 2020”. Căn cứ kết quả thẩm định số 08 /TĐ-KT&HT ngày 10/ 11/2017 của Phòng Kinh Tế và Hạ Tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới Xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017- 2020 với những nội dung sau:

1. Tên Quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Nghĩa An huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020.

2. Địa điểm và ranh giới Quy hoạch:

Xã Nghĩa An nằm về phía Đông Nam cách trung tâm huyện khoảng 8 km.

- Đông giáp xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định;
- Tây giáp xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia lai;
- Nam giáp xã Tú An, Thị xã An Khê, tỉnh Gia lai;
- Bắc giáp xã Đak Smar, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.

3. Quy mô quy hoạch:

- Dân số: 3.992 người, 972 hộ (năm 2016).
- Đất đai: 3.476,89 ha

4. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch :

- Hoàn thiện việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa An đến năm 2020 theo quy định các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành; đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn; đảm bảo tính kế thừa, các yêu cầu và nguyên tắc cần điều chỉnh, chỉnh trang đối với các khu chức năng; phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

- Cụ thể hóa các quy hoạch trên địa bàn xã đến năm 2020 theo hướng xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư trong xã.

- Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn khang trang, hiện đại, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan các điểm dân cư trên toàn địa bàn toàn xã.

- Điều chỉnh phương án quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng hiệu quả quỹ đất, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Điều chỉnh quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng các yêu cầu phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, góp phần phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch, lập các dự án cũng như kêu gọi đầu tư.

5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới :

5.1. Dự báo phát triển nông thôn mới.

- Dự báo quy mô dân số, quy mô xây dựng trên phạm vi toàn xã , trung tâm xã và dự kiến phát triển thành 07 thôn, làng theo từng giai đoạn quy hoạch.

DỰ BÁO PHÁT TRIỂN ĐẤT DÂN CƯ TOÀN XÃ ĐẾN NĂM 2020

STT	TÊN THÔN, LÀNG	DÂN SỐ NĂM 2016		DÂN SỐ NĂM 2020	
		Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ
	Toàn xã	3.992	972	4.149	1.010
1	L.Lọt	627	155	652	161
2	L.Quao	276	68	287	72
3	Thôn 1	549	137	571	142
4	Thôn 2	870	215	904	223
5	Thôn 3	690	159	717	165
6	Thôn 4	528	127	549	132
7	Thôn 5	452	111	470	115

- Các yêu cầu về bố trí mạng lưới dân cư gắn liền với đầu tư mạng lưới các công trình công cộng, công trình phục vụ sản xuất.

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Nghĩa An đến năm 2020

TT	Loại đất	Mã số	Hiện trạng 2016		Quy hoạch 2020		Tăng, giảm (+, -)
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
	Tổng diện tích đất tự nhiên		3.476,89		3.476,89		
I	Đất Nông nghiệp	NNP	3.155,23	90,75	3.144,87	90,45	-10,36
1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	66,85	1,92	50,85	1,46	-16,00
1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK					
1.3	Đất trồng lúa nương	LUN					
1.4	Đất trồng cây hằng năm còn lại	HNK	1.912,50	55,01	1.499,82	43,14	-412,68
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	601,28	17,29	1.211,60	34,85	610,32
1.6	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.7	Đất rừng đặc dụng	RDD	181,90	5,23	181,90	5,23	
1.8	Đất rừng sản xuất	RSX	387,20	11,14	191,70	5,51	-195,50
1.9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,50	0,16	9,00	0,26	3,50
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH					
II	Đất phi nông nghiệp	PNN	253,07	7,28	271,28	7,80	18,21
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,99	0,03	0,99	0,03	
2.2	Đất quốc phòng	CQP					
2.3	Đất an ninh	CAN					
2.4	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	3,82	0,11	5,82	0,17	2,00
2.5	Đất cho hoạt động khoán sản	SKS					
2.6	Đất di tích, thắng cảnh	DDT	80,00	2,30	10,00	0,29	-70,00
2.7	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	0,35	0,01	80,00	2,30	79,65
2.8	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN			2,00	0,06	2,00
2.9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	12,30	0,35	12,30	0,35	
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	9,29	0,27	9,29	0,27	
2.11	Đất sông suối	SON	18,06	0,52	18,06	0,52	
2.12	Đất phát triển hạ tầng	DHT	128,26	3,69	132,82	3,82	4,56
2.12.1	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,35	0,04	1,35	0,04	
2.12.2	Đất cơ sở y tế	DYT	0,02	0,00	0,16	0,00	0,14
2.12.3	Đất cơ sở giáo dục-Đào tạo	DGD	6,80	0,20	6,92	0,20	0,12
2.12.4	Đất cơ sở thể dục- thể thao	DTT	3,71	0,11	3,21	0,09	-0,50
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
III	Đất đô thị	DTD					
IV	Đất khu bảo tồn thiên nhiên	DBT			181,90	5,23	181,90
V	Đất khu du lịch	DDL					
VI	Đất khu dân cư nông thôn	DNT			83,50	2,40	83,50
	Trong đó:Đất ở nông thôn	ONT	39,22	1,13	44,27	1,27	5,05

VII	Đất chưa sử dụng	CSD	29,37	0,84	16,47	0,47	-12,90
-----	------------------	-----	-------	------	-------	------	--------

Bảng Quy hoạch sử dụng đất cho trung tâm xã Nghĩa An đến năm 2020

TT	HẠNG MỤC SỬ DỤNG ĐẤT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng	1,96	5,72%
	Trụ sở UBND, HĐND Xã	0,42	
	Trạm y tế	0,30	
	Bưu điện văn hóa	0,02	
	Trạm kiểm lâm	0,54	
	Trung tâm sinh hoạt, học tập cộng đồng	0,19	
	Chợ	0,51	
	Đất nhà văn hóa thôn 2	0,07	
2	Đất giáo dục	1,25	3,49%
	Trường THCS Lê Hồng Phong	1,25	
3	Đất ở	21,28	59,58%
4	Đất hoa viên - TDTT	1,25	3,48%
5	Đất dự phòng	2,93	8,17%
6	Đất trồng lúa	0,83	2,12%
7	Đất mặt nước, sông suối	0,10	0,28%
8	Giao thông	6,16	17,17%
	Tổng cộng	35,87	100%

5.2. Định hướng QHXD-NTM:

5.2.1. Về phát triển không gian:

- Các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung : trồng cây cà phê, cao su, cây ăn quả ở các khu vực đồi núi đất đỏ phía Đông Bắc xã, mía, ngô, rau màu dọc theo 2 bên bờ Sông Ba và khu vực trung tâm xã; chăn nuôi chủ yếu bò lai, heo hướng nạc,...).

- Các khu vực sản xuất CN, TTCN được bố trí trung tâm xã, Làng nghề, trang trại và các công trình phục vụ sản xuất như kho, trạm, trại... được bố trí tại các thôn, làng.

- Ổn định và mở rộng các khu dân cư hiện có. Đảm bảo quỹ đất phát triển nhà ở tại các thôn, làng.

- Hệ thống trung tâm xã, làng và các công trình công cộng (UBND xã, trường học, trạm y tế, chợ, nhà văn hóa, sân thể thao...) được đầu tư xây dựng theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Bảo vệ, đầu tư phát triển di tích lịch sử văn hóa: Cảnh đồng cô Hầu (đầu tư về đường giao thông, công trình kiến trúc, cảnh quan tại khu di tích) đáp ứng nhu cầu về du lịch theo tua du lịch di tích lịch sử văn hóa và du lịch sinh thái.

- Giải pháp đảm bảo an toàn và giảm thiểu tác hại thiên tai dọc 2 bên bờ sông Ba và sườn núi dốc gần khu dân cư.

5.2.2. Về điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Về giao thông:

a. Đường trục xã :

Điều chỉnh từ 11,6km xuống còn 2,96 Km (trong đó giai đoạn 2018-2020 sẽ chuyển 1,6km đường xã thành đường tỉnh do đầu tư xây dựng dự án đường liên huyện, điều chỉnh

một số đường xã sang đường nội đồng), hiện tại đường xã đã được BTXM 100%. (2,956/2,956 km). Tổng số km đường xã được quy hoạch: 2,956 km.

b. Đường trục thôn, làng:

Điều chỉnh từ 7,9km tăng lên 12,71km, do bổ sung quy hoạch dân cư, trong đó đã BTXM: 8,89 km (chiếm 69,39%), đến cuối năm 2017 đầu tư xây dựng 1,358km BTXM, đến cuối năm 2017 có 10,248 km BTXM (chiếm 80,63%), còn 2,462 km tiếp tục đầu tư giai đoạn 2018-2020. Tổng số km đường trục chính thôn làng được quy hoạch : 12,71km

c. Đường ngõ, xóm: bổ sung vào quy hoạch :3,98km đảm bảo sạch, không lầy lội vào mùa mưa, trong đó có 60% được cứng hóa.

d. Đường trục chính nội đồng:

Điều chỉnh từ 19,6km lên 26,40km do điều chỉnh đường đi cánh đồng Cô Hầu từ đường xã sang đường nội đồng 4km, tăng đường vào cánh đồng lớn, trong đó cứng hóa được: 20,30km (chiếm 76,89%), còn 6,10km đường đất sẽ đầu tư cứng hóa trong giai đoạn 2018-2020. Tổng số km đường trục chính nội đồng được quy hoạch : 26,40 km.

- Về cấp nước:

- Năm 2018 Xây dựng hệ thống nước trạm bơm tập trung xã. Trong đó:

Có 504 hộ/912 hộ đăng ký có dự án đi qua. Còn hộ còn lại sử dụng giếng khoan hoặc giếng đào hợp vệ sinh.

Kinh phí xây dựng: 40.400 triệu đồng (Quy mô công trình tính cho xã Đông, Nghĩa An)

***Nguồn nước:**

- Đối với hệ thống nước trạm bơm tập trung xã: Sử dụng Trạm bơm riêng lấy nước trực tiếp từ hồ thủy điện Kanak sau đó qua xử lý rồi cung cấp đến từng hộ dân.

- Đối với sử dụng giếng khoan hoặc giếng đào hợp vệ sinh: Chủ yếu sử dụng mạch nước ngầm. Nước ngầm mạch nông trên địa bàn xã có, độ sâu của các giếng khoan từ 60 - 70m mới có nước. Trữ lượng nước ngầm ít, khó khai thác vào mùa khô.

- Về cấp điện: - Bố trí trạm và đường dây hạ thế:

+ Hiện nay trên địa bàn xã có 5 trạm hạ thế phân bố khá đồng đều trên địa bàn, Tổng dung lượng các TBA : 572,5 kVA.

+ Đường dây trung áp : 4,725km.

+ Đường dây hạ áp : 8,055 km.

Theo báo cáo đánh giá của Điện lực Kbang hệ thống điện xã Nghĩa An đạt cả 04 tiêu chí thành phần theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương.

- Về Văn hóa, giáo dục, y tế :

+ Văn hóa :

Điều chỉnh bổ sung : Ngoài sân thể thao tại vị trí thôn 5 (được sử dụng sân thể thao của xã). Tại vị trí quy hoạch sân thể thao tại trung tâm xã vẫn bố trí đất dự phòng cho ngành văn hóa. Điều chỉnh vị trí đất xây dựng nhà văn hóa thôn 1, thôn 2.

Xây dựng bổ sung hạng mục nhà xe trung tâm xã, sân BTXM, nhà vệ sinh, hàng rào, âm ly loa dài cho các nhà văn hóa thôn, làng.

+ Giáo dục: Ổn định quy mô cơ sở vật chất trường lớp học mẫu giáo, tiểu học tại thôn, làng ; trường học trung tâm xã bảo đảm theo tiêu chí của Bộ giáo dục.

+ Y tế: Điều chỉnh vị trí xây dựng Trạm Y tế tại vị trí mới. Trạm Y tế đã xây dựng năm 2016 đạt chuẩn. Xã được công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Về Chợ :

Chợ đã được đầu tư xây dựng năm 2013, xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động đảm bảo theo tiêu chí quy định của Bộ Công Thương.

- Về thoát nước thải và VSMT:

Giải pháp thoát nước thải phải phù hợp với thực tế môi trường dân cư, điều kiện kinh tế và thực tế của xã: thoát nước thải tự thấm, thoát nước thải chung với thoát nước mưa... Điều chỉnh vị trí và xây dựng 01 điểm xử lý rác thải mới về phía Đông xã (trong TK 152) cách trung tâm xã 05km.

- Về nghĩa trang:

Giải pháp cải tạo nghĩa trang hiện có đảm bảo mỗi làng dân tộc Bahnar có 01 nghĩa trang; Xây dựng mới nghĩa trang trung tâm xã bảo đảm cho phát triển lâu dài, tạo điều kiện chôn cất văn minh, hợp vệ sinh, tiết kiệm đất đai. Các nghĩa trang đều có quy chế quản lý theo quy định của Bộ Xây dựng.

- Về Nhà ở dân cư:

Giai đoạn từ năm 2011- 2016 hoàn thành các chỉ tiêu về nhà ở đảm bảo không còn tạm bợ, dột nát (năm 2017 hoàn thành xong việc hỗ trợ xây dựng 22 nhà ở tạm bợ) đạt 767 nhà/ 972 nhà = 78,91%; giai đoạn từ năm 2017- 2020 phấn đấu xây dựng nâng cao chất lượng nhà ở bền vững, đủ diện tích theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới của Bộ xây dựng.

6. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2017-2020.

(Có đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa An giai đoạn 2017-2020 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa An giai đoạn 2017-2020 được UBND huyện phê duyệt, UBND xã có trách nhiệm công bố, công khai quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã nhằm tạo sự đồng thuận, tham gia và giám sát thực hiện của người dân.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các dự án đầu tư xây dựng đã và đang triển khai cần cập nhật và công bố kịp thời, đầy đủ để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính-Kế hoạch, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, Chủ tịch UBND xã Nghĩa An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1157/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. /*ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Sở Xây Dựng tỉnh;
- Văn Phòng ĐPNTM tỉnh;
- TT UBND huyện;
- Lưu VT, VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Phạm Xuân Trường